TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÙNG KHÁNH** TỈNH CAO BẰNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 08 /2018/QĐST-HNGĐ	*Trùng Khánh, ngày 21 tháng 3 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 11/2018/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 3 năm 2018, giữa:

- Nguyên đơn: **Âu Thị T - 24 tuổi**

Địa chỉ: Xóm P- xã C- huyện TK- tỉnh C

Số điện thoại: 0973663XXX;

- Bị đơn: **La Văn G - 27 tuổi**

Địa chỉ: Xóm P- xã C- huyện TK- tỉnh C

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhấn sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2018

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 14 tháng 3 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình tình ly hôn giữa:

- Nguyên đơn: **Âu Thị T - 24 tuổi**

Địa chỉ: Xóm P- xã C- huyện TK- tỉnh C.

Số điện thoại: 0973663XXX;

- Bị đơn: **La Văn G - 27 tuổi**

Địa chỉ: Xóm P- xã C- huyện TK- tỉnh C

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- **Về quan hệ hôn nhân:** Chị Âu Thị T và anh La Văn G tự nguyện thuận tình ly hôn.

- **Về con cái:** Chị T và anh G nhất trí thỏa thuận mỗi anh chị sẽ có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục một con chung đến tuổi trưởng thành, cụ thể:

Anh La Văn G, có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu La Thị Ngọc H, sinh ngày 19/5/2014.

Chị Âu Thị T, có trách nhiệm chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu La Thị Mai H, sinh ngày 15/01/2016.

Anh G và chị T có quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở.

- **Về tài sản:** Chị T và anh G nhất trí thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về án phí:** Chị T và anh G mỗi người phải chịu 75.000 đồng (Bảy mươi năm ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Chị T tự nguyện nộp thay cho anh G 75.000 đồng (Bảy mươi năm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Do đó, chị T phải nộp 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị T đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí theo Biên lai số AB/2012/00947 ngày 06 tháng 3 năm 2018 tại Chi cục Thi hành án Dân sự huyện Trùng Khánh, tỉnh C, chị T đ□ợc hoàn lại 150.000 đồng (Một trăm năm mươi ngàn đồng).

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND TK;
- UBND xã C;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

(đã ký)

Hoàng Doãn Trường